



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

LÊ chí Chiến
Last Middle First

Current Address: 9/11 Hoàng Văn Thụ p. Nguyễn Tr. HCM CTVN

Date of Birth: 10/25/38 Place of Birth: Vietnam

Previous Occupation (before 1975) LTCOLONEL
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP

Dates: From 05/02/75 To 01/15/85
Years: 9 Months: 7 Days: 15

3. SPONSOR'S NAME:

TRẦN THỊ HẰNG
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

LÊ THỊ PHƯƠNG LAN

Daughter

LÊ THỊ HẰNG

Son

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED:

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
THANH NAI Bertotti	?	sister in law
SE THI PHUONG DUNG	05/06/1962	daughter
le chi Hieu	10/13/1964	son
le chi Hung	09/10/1971	son
le thi PHUONG LAN	12/19/1963	daughter
TRAN THANH loan	12/04/1952	sister in law
TRAN THANH PHUOC	1952	brother
TRAN THANH CONG	2/3/1963	brother
TRAN THANH SON	1950	brother
Duong Hoang THAI	12/30/1956	son in law
NGUYEN THI AN ^{AS}	1939	mother in law

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

TRAN THI HANG

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ

Trại cải tạo số 3

Số 75 GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

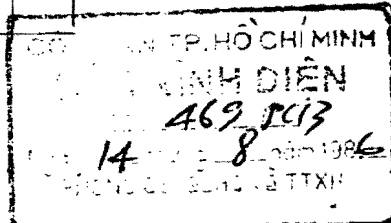
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 21 tháng 11 năm 1972

0 0 0 3 7 8 0 0 4 7 2

SHSLĐ

GIẤY RA TRẠI



Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.
Thi hành án văn, quyết định tha số 69BIV/QĐ ngày 20 tháng 12 năm 1984
của Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê Chí Thiện Sinh năm 1938

Các tên gọi khác

Nơi sinh Mộng thọ, Rạc, giã

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 17 tiên mộ đường, phường I
tới xã Mỹ thọ, Tiền giang

Cán tội Trung tá - Tạm mưu phó tiếp vận, tiêu khu quảng ngãi.

Bị bắt ngày 2/5/1975 Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 17 tiên mộ đường, Mỹ thọ, Tiền giang

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng : xác định được tội lỗi, chịu cải tạo, tin tưởng vào
đường lối giáo dục của Đảng.

- Lao động : Đem bao nhiêu công sức, có nhiều cố gắng trong công việc
được giao, có ý thức bảo vệ an ninh nội tại sản xuất.

Học tập : tham gia đều, tiếp thu được.

Đương sự phải trình diện tại UBND phường, xã 17 tiên mộ đường, Mỹ thọ, Tiền
giang.

Trước ngày 14 tháng 07 năm 1985

Lần tay ngón trỏ phải
Của Thiện
Đanh bản số 783
Lập tại Quân pháp

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 15 tháng 07 năm 1985

P. Trưởng trại

Thượng úy : Lê Văn Lục



Lê Chí Thiện

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : LE CHI THIEN
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : October 25th 1938
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : X Female (Nu) : _____

MARITAL STATUS : Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : X
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 9/11 Hong van Thu - Phu Nhuan - TP/Ho Chi Minh
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Nau co) : From (Tu) : 2-5-1975 To (Den) : 15-1-1985

PLACE OF RE-EDUCATION : Tam Ky (Hong Ngoc Ping)
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep) : Quan nhan

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : 1st Colonel
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : Van Doan Truong DPG
Date (nam) : 1972-75

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : X No (Khong) : _____
IV Number (So ho so) : 127-038

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : Khong
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 9/11 Hong van Thu - Phu Nhuan - Thang pho Ho Chi Minh (Viet-Nam)

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro) : Hon thi Hong

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : X No (Khong) : _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : V8

NAME & SIGNATURE : Thieu

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) : _____

DATE : January 15th 1996
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : LE CHI THIEN
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : October 25th 1938
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu):

MARITAL STATUS (Tinh trang gia dinh): Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh): X

ADDRESS IN VIETNAM (Dia chi tai Viet-Nam): 9/11 Hong Van Thu - Phu Nhuan - Ho Chi Minh City VN

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong)
If Yes (Neu co): From (Tu): May 2nd 1975 To (Den): January 15th 1985

PLACE OF RE-EDUCATION: Tân Kỳ (Nghệ Tĩnh)
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Amn nhân

EDUCATION IN U.S. (Da hoc tai My):
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): 1st Colonel
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Vien tam truong DPQ
Date (nam): 1970-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X No (Khong)
IV Number (So ho so): 127-038

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): Khong
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 9/11 Hong Van Thu - Phu Nhuan - Thanh pho Ho Chi Minh - Viet Nam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi than nhan hay Nguoi Bao tro): Đàn Thị Hằng

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong):

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): VD

NAME & SIGNATURE: [Signature]

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: January 15th 1990
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 127-038

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE CHI THIEN
Last Middle First

Current Address: 9/11 HOANG VAN THU - PHU NHUAN HO CHI MINH CITY VN

Date of Birth: 10/25/38 Place of Birth: VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) LT COLONEL
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05/02/75 To 01/15/85
Years: 9 Months: 7 Days: 15

3. SPONSOR'S NAME: TRAN, THI HANG
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

LE, THI PHUONG LAN

Daughter

LE, CHI HUNG

Son

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
THANH Mai Buthoti		Sister inlaw
lê thi phuong Dung	05/06/1962	daughter
lê thi phuong LAN	12/19/1963	daughter
lê chi' Hieu	10/13/1964	son
lê chi' Hung	09/16/1971	son
TRAN THANH phoi	1952	brother
TRAN THANH cong	2/3/1963	brother
TRAN thanh son	1950	brother
Đường Hoàng THAI	12/30/1956	son inlaw
Nguyễn thi AN	1939	mother inlaw
TRAN THANH loan	1956	Sister inlaw

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

TRAN THI HANG

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : LE CHI THIEN
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : October 25th 1938
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____

MARITAL STATUS : Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 9/11 Hong Van Thu - Phu Nhuan - Ho Chi Minh City VN
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): May 2nd 1975 To (Den): January 15th 1985

PLACE OF RE-EDUCATION: Tân Kỳ (Nghệ Tĩnh)
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Anh Nhai

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Lt Colonel
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Head of the 2nd DPB
Date (nam): 1976-1978

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X No (Khong): _____
IV Number (So ho so): 127-038

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): Khong
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tai

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 9/11 Hong Van Thu - Phu Nhuan - Thanh pho Ho Chi Minh - Viet Nam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro): Trần Thị Hằng

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Vb

NAME & SIGNATURE: Muu
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: January 15th 1990
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : LE CHI THIEN
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : October 25th 1938
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : X Female (Nu) : _____

MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : X
(Tinh trang gia dinh) :

ADDRESS IN VIETNAM : 9/11 Hong Van Thu - Phu Nhuan - Ho Chi Minh City VN
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co) : From (Tu) : May 2nd 1975 To (Den) : January 15th 1985

PLACE OF RE-EDUCATION : Tân Kỳ (Nghệ Tĩnh)
CAMP (Trai tu) 1985

PROFESSION (Nghe nghiep) : Quản Nhân

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : Lt Colonel
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : Vice Ambassador DPO
Date (nam) : 1976-1978

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : X
IV Number (So ho so) : 127-038
No (Khong) : _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : Không
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 9/11 Hong Van Thu - Phu Nhuan
Thanh pho Ho Chi Minh - Viet Nam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngoai Bao tro) : Trần Thị Hằng

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : X No (Khong) : X

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : VB

NAME & SIGNATURE : [Signature]
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE : January 15th 1990
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

BỘ NỘI VỤ

Tại oải tạo số 3

Số 75 GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

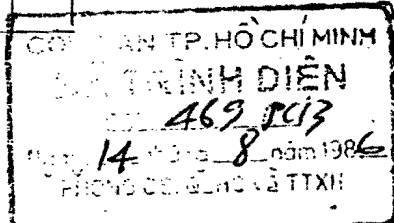
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 21 tháng 11 năm 1972

0 0 0 3 7 8 0 0 4 7 2

SHSLĐ

GIẤY RA TRẠI



Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Thi hành án văn, quyết định tha số 69BNV/QĐ ngày 20 tháng 12 năm 1984 của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê Chí Thiện Sinh năm 1938

Các tên gọi khác.....

Nơi sinh Mộng thọ, Rạc, Gia

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 17 thiên mộ đường, phường 1 thị xã Mỹ Tho, Tiền Giang

Can tội Trung tá - Tham mưu phó tiếp vận, tiểu khu Quảng Ngãi.

Bị bắt ngày 2/5/1975 Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....

Đã bị tăng án..... lần, cộng thành..... năm..... tháng.....

Đã được giảm án..... lần, cộng thành..... năm..... tháng.....

Nay về cư trú tại 17 thiên mộ đường, Mỹ Tho, Tiền Giang

Nhận xét quá trình cải tạo.....

Tư tưởng : xác định được tội lỗi, chịu cải tạo, tin tưởng vào đường lối giáo dục của Đảng.

- Lao động : Đam báo ngay công, có nhiều cố gắng trong công việc được giao, có ý thức bảo vệ an ninh nội tại sản tốt.

Học tập : tuân giữ đều, tiếp thu được.

Đương sự phải trình diện tại UBND phường, xã 17 thiên mộ đường, Mỹ Tho, Tiền Giang.

Trước ngày 14 tháng 11 năm 1985 Quan của 12 tháng

Lưu tay ngón trái phải
Của Thiện
Danh bản số 783
Lập tại Quận phước

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 15 tháng 11 năm 1985
P. Trưởng trại

Thượng úy : Lê Văn Lạc

FR- TRAN THI HANG

USA.

MAY 22 1990



TO - FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS -
ASSOCIATION.
PO BOX 5435, ARLINGTON
VA 22205 - 0635.

TỔNG HỘI CỤU TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ CSVN

Khu Hội Bắc Cali

P.O. Box 1808

San Jose, CA 95109-1808

*Văn
154*



To: MRS. KHUC MINH THO